

BỐN MƯƠI NĂM ASEAN: *THÀNH TỰU VỀ AN NINH - CHÍNH TRỊ*

ĐỖ THANH BÌNH*

Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ XX, trên thế giới đã xuất hiện khá nhiều tổ chức khu vực ở các châu lục khác nhau: Tổ chức các nước Trung Mỹ - OCAS (1951), Cộng đồng kinh tế châu Âu - EEC (1957), Thị trường chung Trung Mỹ - CACM (1961), Hội Mậu dịch tự do Mỹ Latinh - LAFTA (1961), Tổ chức thống nhất châu Phi - OAU (1963)... và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (1967) ra đời cũng là một trong những tổ chức như thế.

Đây vừa là xu thế của thời đại, vừa là ước muốn của các dân tộc trong từng khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, không phải tổ chức khu vực nào cũng đạt được tất cả các mục tiêu đề ra, gặt hái được nhiều thành tựu. Nhìn lại các tổ chức khu vực từ khi ra đời cho đến nay, thành công khá toàn diện là Liên minh châu Âu - EU, sau EU là ASEAN.

Đối với ASEAN trong các lĩnh vực hợp tác kinh tế, hợp tác an ninh - chính trị và hợp tác văn hóa - giáo dục,... thì lĩnh vực hợp tác an ninh - chính trị đạt được thành tựu rực rỡ nhất, nổi trội nhất. Thành tựu

về an ninh - chính trị không chỉ mang lại lợi ích cho nhân dân khu vực mà còn cho cả nhiều nước ngoài khu vực và những thành tựu ấy được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

1. Ngay trong Tuyên bố Băng Cốc về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1967) đã toát lên mục tiêu của tổ chức này là giúp các nước trong khu vực hiểu nhau và đoàn kết nhau hơn để đối phó với những thách thức từ bên ngoài (1). Thực tế cho thấy, "sự ra đời của ASEAN báo hiệu một thời kỳ mới trong quan hệ giữa các nước thành viên, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giải quyết thoả đáng các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội khối và ngăn chặn những nguy cơ can thiệp từ bên ngoài, góp phần duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực" (2). Trong 40 năm qua, trên một mức độ nhất định về hợp tác an ninh chính trị, ASEAN đã thực hiện đúng mục tiêu và chức năng của mình.

Trong thời kỳ từ năm 1967 đến năm 1975, tình hình quốc tế và khu vực có những biến chuyển quan trọng: Tháng 1 - 1968, Anh tuyên bố rút khỏi Đông Nam Á; Mĩ xuống thang trong chiến tranh Việt Nam và từ tháng 6-1969, quân Mĩ bắt đầu rút khỏi miền Nam Việt Nam, Mĩ điều

*GS. TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

chính chiến lược, giảm cam kết với các nước châu Á; trong khi ấy nội bộ một số nước Đông Nam Á trở nên phức tạp (xung đột sắc tộc ở Malaixia năm 1969, phong trào li khai ở Mindanao - Philippin, cuộc đấu tranh vũ trang của những người cộng sản ở Indônêxia...).

Để đối phó với tình hình trên, hoạt động của ASEAN trong thời kỳ này mang đậm tính chất chính trị, giảm bớt mâu thuẫn và nghi kỵ lẫn nhau giữa các nước trong khu vực, để tạo cơ sở cho sự hiểu biết và hợp tác với nhau. Thử nghiệm đầu tiên là ASEAN đã giải quyết những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ giữa các nước thành viên. Ví dụ: năm 1968, ASEAN thành công trong việc xử lý tranh chấp vùng Sabar giữa hai nước hội viên Malaixia và Philippin. Hai nước này đã thống nhất một số điểm, chấp nhận chia đôi vùng Sabar. Đây là thành tựu mở đầu của ASEAN. Cũng từ đó, ASEAN luôn đóng vai trò trọng tài tích cực giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên.

Từ năm 1970, ASEAN có những hoạt động tích cực để ngăn cản những tác động tiêu cực từ bên ngoài, từ đó tạo ra những điều kiện có lợi cho mình. Theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu, trong thời kỳ này, ASEAN bắt đầu học cách điều hòa, cân bằng một cách tối ưu nhất các vấn đề trong hệ thống quan hệ khu vực và quốc tế, trong quan hệ với các cường quốc cũng như với các nước có chế độ chính trị khác nhau (3).

Sự kiện quan trọng là năm 1971, ASEAN đưa ra Tuyên bố Đông Nam Á là một "khu vực hòa bình, tự do và trung lập (Zone of Peace Freedom and Neutrality - ZOPFAN), không có sự can thiệp dưới bất cứ hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực" (4). Đây là hành động hợp tác chính trị tiêu biểu của các nước ASEAN, thể hiện được ý thức tự cường của

các quốc gia trong khu vực, nhằm hạn chế sự dính líu của các cường quốc bên ngoài. Đồng thời thể hiện lập trường trung lập hóa và mong muốn thoát khỏi sự ràng buộc vào các khối liên minh quân sự của các thành viên ASEAN trong bối cảnh chiến tranh lạnh. Bên ngoài khu vực đánh giá cao hành động này của ASEAN. "Các cường quốc bên ngoài" mà Tuyên bố nhắc đến trong đó có Mĩ. Hơn nữa, nói biến Đông Nam Á thành khu vực hòa bình (không có xung đột) - tư tưởng này không có lợi cho Mĩ, vì Mĩ đang dính líu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Do vậy, trong giai đoạn đầu, Mĩ không mặn mà và thừa nhận ASEAN.

Tư tưởng ZOPFAN cũng đã thể hiện đặc trưng của ASEAN là muốn giải quyết các vấn đề khu vực bằng lực lượng bên trong của mình chứ không phụ thuộc vào bên ngoài.

Cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc năm 1975. Sự kiện này đã tác động lớn khu vực. Các nước ASEAN đã chủ động cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương và chuẩn bị đưa ra một cơ chế hoạt động mới nhằm thúc đẩy quá trình liên kết khu vực. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất ở Bali (Indônêxia) tháng 2 - 1976 là mốc quan trọng, đánh dấu bước tiến trong lĩnh vực an ninh - chính trị. Hội nghị đã thông qua hai văn kiện quan trọng: *Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á* (Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia - TAC), thường được gọi là *Hiệp ước Bali và Tuyên bố hòa hợp ASEAN* (Declaration of ASEAN Concord). Hai văn kiện đã thể hiện tiêu chí và mục đích cao nhất của ASEAN là đảm bảo sự ổn định chính trị ở khu vực. Đồng thời, đặt nền tảng cho một nền hòa bình lâu dài ở khu vực trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các nước, không can thiệp vào công việc

nội bộ của nhau, giải quyết các tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp hòa bình,...

Trong các văn kiện ở Bali, người ta thấy các vấn đề mà ASEAN đặt ra là toàn diện: từ kinh tế đến văn hóa, xã hội, nhưng vấn đề an ninh - chính trị vẫn được các nước hội viên quan tâm đặc biệt và đưa nó lên vị trí ưu tiên hàng đầu. Các văn kiện Bali đánh dấu sự trưởng thành trong nhận thức và tính nhạy cảm của ASEAN trước những biến đổi tình hình khu vực. Đồng thời nó cũng là tín hiệu và lời mời gọi cũng như điều kiện gia nhập ASEAN đối với các nước còn lại trong khu vực.

Trong những năm 80-90 của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới không ổn định về vấn đề vũ khí hạt nhân (cộng đồng quốc tế quan ngại về vấn đề hạt nhân ở Iran, ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên), nhưng ở Đông Nam Á, các nước ASEAN đã cam kết và đưa ra sáng kiến phần đầu Đông Nam Á là khu vực phi vũ khí hạt nhân. Tháng 12 - 1987, Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ ba của ASEAN tại Manila, các nhà lãnh đạo ASEAN đã khẳng định quyết tâm biến Đông Nam Á thành khu vực phi vũ khí hạt nhân SEANWFZ (5). Sự kiện này là bước đi quan trọng trong việc hiện thực hóa tư tưởng ZOPFAN. Việc kí kết Hiệp ước này chẳng những đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của nhân dân Đông Nam Á, mà còn góp phần nâng cao uy tín của ASEAN về khả năng đề xuất và thực hiện các cam kết duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thế giới...

Từ năm 1979 đến năm 1989, việc giải quyết vấn đề Campuchia không còn là vấn đề của riêng các nước Đông Dương mà là vấn đề của khu vực và quốc tế. Hoạt động của ASEAN trong thời gian này hầu như tập trung vào vấn đề Campuchia. Trong

nửa đầu những năm 80 của thế kỷ XX, quan điểm giải quyết vấn đề Campuchia trong các nước ASEAN bị phân hóa (6). Từ nửa sau thập niên 80, các nước ASEAN đã đi tới thống nhất về việc đề ra những giải pháp đối thoại để giải quyết vấn đề Campuchia. Mặc dù thành công trong việc tìm ra giải pháp hòa bình cho Campuchia là do các bên hữu quan quyết định, nhưng với tư cách là một tổ chức khu vực, ASEAN đã góp phần quan trọng cùng với Việt Nam tìm ra giải pháp chính trị toàn diện cho cuộc xung đột ở Campuchia. Từ chỗ ASEAN đối đầu với Việt Nam trong vấn đề Campuchia đi đến chỗ đối thoại với nhóm nước Đông Dương mà đại diện là Việt Nam thông qua Indônêxia với JIM - 1 (1988), JIM - 2 (1989) và JIM - 3 (1990) ở Giacácta. Với sự cố gắng của nhiều phía, cuối cùng vấn đề Campuchia được giải quyết một cách hiệu quả nhất. Sau thành công này, dư luận quốc tế đánh giá cao về vai trò, sáng kiến của ASEAN và ASEAN đã trở thành một tổ chức có uy tín trong việc giải quyết các vấn đề khu vực.

Cùng với việc phát triển các nước thành viên (từ ASEAN - 6 đến ASEAN - 10), ASEAN vẫn kiên trì và đẩy mạnh đối thoại, tìm ra những giải pháp hòa bình cho vấn đề khu vực. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, một loạt vấn đề đặt ra trước các nước thành viên: khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997 - 1998) trong khu vực, những thách thức của toàn cầu hóa, chủ nghĩa khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên và Iran, những bất ổn về chính trị ở vài nước thành viên, ... Trong bối cảnh đó, chất kết dính chính trị trong liên kết ASEAN là điều đặc biệt quan trọng trong

các hoạt động của tổ chức này. Liên kết chặt chẽ, nhưng ASEAN vẫn trung thành với nguyên tắc “không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” mà vẫn phát huy được tính năng động, mềm dẻo để đạt được sự đồng thuận trên tinh thần nhân nhượng lẫn nhau, cùng có lợi, cùng chia sẻ trách nhiệm. Trong các Hội nghị Thượng đỉnh: ASEAN - 8 (11-2002) ở Phnôm Pênh (Campuchia), ASEAN - 9 (11-2003) ở Bali (Indônêxia), ASEAN - 10 (11-2004) ở Viêng Chăn (Lào), những người đứng đầu các nước thành viên đã bàn bạc và thống nhất thực thi các biện pháp tập thể để cùng nhau giải quyết những vấn đề an ninh - chính trị chung của khu vực.

Một trong những vấn đề bức xúc mà các nước đều quan tâm, đó là nguy cơ khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố trong khu vực, đặc biệt là sau vụ đánh bom khủng bố (10-2002) trên đảo Bali (Indônêxia), các nước ASEAN đưa ra một ý tưởng mới để tăng cường sức mạnh trong cuộc chiến chống khủng bố. Đó là thành lập *Cộng đồng An ninh ASEAN* (ASC) tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao AMM - 36 ở Phnôm Pênh (Campuchia) tháng 6-2003. Chủ trương này được Hội nghị cấp cao ASEAN - 9 (11- 2003) khẳng định trong *Tầm nhìn ASEAN - 2020*, nhằm hướng tới xây dựng một ASEAN đoàn kết, vững mạnh dựa trên ba trụ cột: an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội. ASC là khung hợp tác chính trị - an ninh toàn diện nhằm nâng cao hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN lên một tầm cao mới trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của ASEAN, như đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp, góp phần thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực.

Thành tựu của ASEAN về an ninh - chính trị không chỉ được thể hiện và khẳng định trong việc giải quyết các vấn đề nội khối và trong khu vực, mà nó vươn ra ngoài khu vực Đông Nam Á và trong nhiều trường hợp nó mang tầm liên châu lục và thế giới. Một trong những hoạt động đó là ASEAN đã tạo dựng diễn đàn an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương lớn nhất thế giới hiện nay.

Sau Chiến tranh lạnh, châu Á - Thái Bình Dương trở thành một thị trường thống nhất, sự hợp tác kinh tế - thương mại đã vượt qua sự khác biệt về chế độ xã hội và ý thức hệ. Sự trùng hợp về lợi ích kinh tế giữa các nước ASEAN với các nước ngoài khu vực trong một chừng mực nhất định đã khiến cho các nước Đông Nam Á thấy rõ tầm quan trọng của môi trường an ninh - chính trị ổn định ở cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ nhận thức đó, các nước ASEAN đã đưa ra sáng kiến xây dựng một diễn đàn an ninh khu vực.

Sau Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 4 ở Singapore, ASEAN đã thỏa thuận về tiến trình và cơ chế đối thoại, hợp tác an ninh giữa ASEAN và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trên cơ sở này, tháng 7-1993, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 24 tại Singapore đã quyết định thành lập *Diễn đàn khu vực ASEAN* (ASEAN Regional Forum - ARF). Ngày 25-7-1994, tại Băng Cốc, ARF chính thức tuyên bố thành lập và tiến hành kỳ họp đầu tiên với sự tham gia của 6 nước thành viên ASEAN (7) và 3 nước quan sát viên (8) cùng với các bên đối thoại (9) của ASEAN và hai nước bạn hàng lớn của ASEAN là Nga và Trung Quốc. Cho đến nay (2005) ARF đã có 22 nước thành viên, bao gồm 10 nước ASEAN và các nước đối tác, trong đó có các cường quốc hàng đầu thế giới là Mĩ,

Nga, EU, Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Ấn Độ, Hàn Quốc, Niu Dilân, Ôtrâyliã, Canada, Mông Cổ, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và một nước quan sát viên là Papua Niu Ghinê. Sở dĩ ASEAN đã đứng ra tập hợp được nhiều nước lớn vào một diễn đàn khu vực là vì tổ chức này đã đưa ra đúng lúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương cần trở thành một khu vực ổn định, có nền an ninh - chính trị bền vững. Đó là một nhu cầu. Hơn nữa, các nước hàng đầu thế giới chấp nhận tham gia vào diễn đàn này, điều đó cũng có nghĩa là ASEAN có đủ thế và lực cũng như uy tín để thu hút sự quan tâm của thế giới. Cho đến nay, ARF quan tâm đến các vấn đề an ninh truyền thống (an ninh quân sự), an ninh phi truyền thống (an ninh kinh tế), những vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia.

Tiến trình của ARF trải qua 3 giai đoạn: hiểu biết để có chung nhận thức và xây dựng lòng tin, thiết lập cơ chế ngoại giao phòng ngừa để ngăn chặn các cuộc xung đột tiềm ẩn (dự báo được khả năng bùng nổ các cuộc xung đột khu vực và ngăn chặn nó), tiếp cận giải quyết xung đột để đi tới một cơ cấu an ninh hợp tác đa diện. Hiện nay, ARF đang ở giai đoạn hai.

ARF không chỉ thúc đẩy đối thoại, củng cố lòng tin, điều hòa các quan điểm khác biệt, tăng cường sự đồng thuận,... giữa các nước tham gia Diễn đàn, mà còn thông qua nó, các nước ASEAN đưa ra những sáng kiến về an ninh khu vực, như việc kí kết Hiệp ước về khu vực xây dựng "Bộ qui tắc ứng xử biển Đông" năm 1998.

Trong những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực những năm đầu thế kỷ XXI, ARF tiếp tục phát huy vai trò của mình với tư cách là một kênh đối thoại quan trọng trong việc giải quyết các

vấn đề cấp bách của khu vực. Tại ARF - 10 (6-2003) ở Phnôm Pênh (Campuchia), ngoại trưởng các nước thành viên ARF đã thông qua Tuyên bố Hợp tác chống khủng bố để đảm bảo an ninh biên giới và Tuyên bố chung về chống cướp biển.

Bên cạnh những thành tựu bước đầu của ASEAN trong ARF, các nước thành viên ASEAN còn có những hoạt động mở rộng chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các nước lớn, các tổ chức khu vực và quốc tế. Trước hết, ASEAN đã thành công trong việc tạo ra sự gắn kết giữa hai châu lục Á - Âu thông qua các hội nghị thượng đỉnh Á - Âu. Thiết lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu là sáng kiến (1994) của ASEAN chứ không phải của EU, mà người đề xướng là Thủ tướng Singapore - Gô Chốc Tông. Sáng kiến thành lập cơ chế đối thoại Á - Âu, theo lời cựu Thủ tướng Gô Chốc Tông là nối liền "cạnh bị thiếu" của tam giác khu vực và tăng cường "mối quan hệ bị lãng quên" giữa châu Á và châu Âu nhằm cân bằng mối quan hệ giữa châu Á và Bắc Mĩ cũng như giữa châu Âu và Bắc Mĩ (10). Sau đề nghị của Gô Chốc Tông, tháng 3-1995, EU chính thức đồng ý với sáng kiến này. Tháng 3 - 1996, Hội nghị cấp cao lần thứ nhất (ASEM - 1) được tổ chức tại Băng Cốc (Thái Lan), đánh dấu sự ra đời của ASEM với 26 nước thành viên (11). Đến ASEM - 5 tổ chức ở Việt Nam (10-2004), ASEM đón nhận thêm 13 thành viên mới (12). Dù mới được 9 năm, nhưng ASEM được coi là Diễn đàn châu lục lớn nhất, nó đã tăng cường ổn định tình hình chính trị ở hai châu lục, vị trí vai trò của ASEAN được nâng cao trên trường quốc tế.

Hợp tác châu Á - Thái Bình Dương, hợp tác Á - Âu là những sân chơi lớn của ASEAN và đều là sáng kiến của ASEAN.

Thế nhưng ASEAN cũng không bỏ lỡ sự hợp tác trong khu vực Đông Á. Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, ASEAN lại là tổ chức chủ động đề nghị thành lập cơ chế hợp tác mới - Hợp tác Đông Á: ASEAN + 3 (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) nhằm thúc đẩy, mở rộng quá trình hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại giữa 10 nước ASEAN với 3 nước Đông Bắc Á. Trong hợp tác Đông Á, ASEAN lại là người giữ vai trò chủ đạo và điều phối những hoạt động hợp tác của hai nhóm nước. Sự hợp tác này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của ASEAN.

Mặc dù mục tiêu an ninh - chính trị là mục tiêu hàng đầu, nhưng ASEAN cố gắng không trở thành một tổ chức quân sự. Đây là điểm khác với tổ chức khác trên thế giới như EU hay AU. Các nước thành viên không có sự ràng buộc nào về mặt quân sự. Do đó, họ có quyền tập trận chung với các nước bên ngoài khu vực Đông Nam Á.

Tóm lại, thành tựu về hợp tác an ninh - chính trị của ASEAN là rất lớn. Nó đã thành công trong việc tạo dựng một cơ cấu quan hệ ổn định giữa các nước thành viên để xử lý và kiểm chế mâu thuẫn, thành công trong việc nâng cao uy tín của mình trên trường quốc tế, trong việc liên kết, lôi kéo được các nước lớn trên thế giới cùng đối thoại và hợp tác với mình. Các quốc gia thành viên đã tìm ra được tiếng nói chung trong hàng loạt các vấn đề quốc tế và khu vực, giải quyết vấn đề quan hệ theo phong cách ứng xử của ASEAN (ASEAN Way). Trong quá trình phát triển của mình, ASEAN đã phát huy được tính tự cường, độc lập, tự chủ, thể hiện qua việc giữ cân bằng giữa các nước lớn, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn để tạo thế cho mình...

2. Sự thành công của ASEAN trong lĩnh vực an ninh - chính trị đậm nét hơn nhiều

so với lĩnh vực kinh tế - thương mại, văn hóa - xã hội. Sở dĩ vấn đề an ninh - chính trị được ASEAN chú trọng và do đó đạt được những thành tựu là do những nguyên nhân sau:

Xét về nguồn gốc ra đời của ASEAN, trong nhiều lý do, người ta thấy ASEAN được thành lập trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực trong thập kỷ 60 của thế kỷ XX ngày càng trở nên phức tạp. Cuộc chiến tranh Đông Dương đang trở thành điểm nóng của khu vực và thế giới. Vào thời điểm này, Mĩ đang sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương và sự ra đi của Mĩ là điều không tránh khỏi. Tình hình đó khiến cho một số nước Đông Nam Á đứng về phía Mĩ phải tính toán lại chiến lược để đối phó với tình hình mới. Trong khi ấy, Liên Xô, Trung Quốc ngày càng có vai trò ở khu vực thông qua việc ủng hộ, giúp đỡ một số đảng cộng sản ở Đông Nam Á đã làm cho một số nước trong khu vực lo ngại. Anh và Mĩ rút khỏi khu vực sẽ tạo nên một "khoảng trống quyền lực", các nước lớn khác (Liên Xô, Trung Quốc) có thể vào lấp khoảng trống. Để ngăn chặn nguy cơ này, các nước Đông Nam Á nhận thức rằng, tốt nhất là liên kết với nhau, dựa vào nhau trong một tổ chức khu vực để có một tiếng nói chung đủ mạnh. Hơn nữa, vào những năm 60, tư tưởng chống cộng còn nặng nề trong giới lãnh đạo một số nước Đông Nam Á. Họ e rằng, cách mạng Đông Dương thắng lợi, chủ nghĩa cộng sản sẽ có cơ hội tràn sang các nước Đông Nam Á khác. Bản thân các nước Đông Nam Á cũng có những khó khăn về an ninh - chính trị, về phát triển kinh tế,... như xung đột tôn giáo, sắc tộc trong nước, tranh chấp lãnh thổ, nghi kỵ lẫn nhau,...

Trong bối cảnh đó, các nước Đông Nam Á thấy cần phải liên minh với nhau trong

một tổ chức khu vực để đối phó với nguy cơ từ bên ngoài, để giải quyết những mâu thuẫn từ bên trong, nhằm duy trì sự ổn định an ninh - chính trị, tạo cơ sở cho sự phát triển. Trong tình hình ấy, an ninh - chính trị luôn được đẩy lên hàng đầu, được coi trọng. Thành tựu an ninh - chính trị nổi trội hơn thành tựu kinh tế - thương mại và hợp tác văn hóa cũng là điều tất yếu.

Bản thân tình hình và mối quan hệ trong từng nước Đông Nam Á và giữa các nước Đông Nam Á với nhau cũng phức tạp. Đây là khu vực đa dân tộc, nhiều tôn giáo (đạo Hồi với số lượng tín đồ lớn nhất thế giới, đạo Thiên chúa, đạo Phật, Ấn Độ giáo,... cùng tồn tại), những mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo ngay trong một nước cũng trở nên phức tạp. Hơn nữa, Đông Nam Á từ sau năm 1945 xuất hiện hai nhóm nước đối lập nhau về chế độ xã hội và ý thức hệ: nhóm nước xã hội chủ nghĩa và nhóm nước tư bản chủ nghĩa. Sự phức tạp đó của tình hình đã khiến cho các nước Đông Nam Á trong quá trình phát triển của mình luôn luôn đặt vấn đề an ninh - chính trị lên hàng đầu.

Nếu so với các tổ chức khu vực trên thế giới, thì ASEAN được xếp ở cấp độ hai sau EU về tính hiệu quả và sự thành công. Điểm xuất phát liên kết của hai tổ chức này hoàn toàn khác nhau. Liên kết của EU ngay từ đầu là liên kết kinh tế. Đầu tiên là liên kết hai sản phẩm than - thép với sự ra đời của *Cộng đồng than - thép châu Âu*

(1951), sau đó là sự ra đời của *Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu* (1957). Đến năm 1967, ba tổ chức kinh tế trên hợp nhất với nhau tạo thành *Cộng đồng châu Âu - EC*. Từ liên minh kinh tế, EU mở rộng sang liên minh về an ninh chính trị, và trở thành một liên minh đa diện, hiệu quả.

Ngược lại với EU, sự liên kết của ASEAN lại bắt đầu từ lĩnh vực an ninh - chính trị, mặc dù mục tiêu kinh tế được đặt ra ngay từ đầu thành lập. Suốt từ năm 1967 đến cuối những năm 90, tình hình khu vực và quốc tế chi phối, nên vấn đề an ninh - chính trị luôn luôn được ASEAN nhấn mạnh. Vấn đề về kinh tế - thương mại, mặc dù được đẩy lên theo thời gian, nhưng thành tựu vẫn còn khiêm tốn. Cho đến ASEAN - 10, tổ chức này mới đặt trọng tâm phát triển, hợp tác kinh tế. Dù vậy, ASEAN vẫn nhấn mạnh vấn đề an ninh - chính trị trong hoạt động của mình, coi đó là một mục tiêu thường trực. Như thế, từ lĩnh vực chính trị, ASEAN mở rộng sang lĩnh vực kinh tế - thương mại văn hóa - xã hội.

Những nguyên nhân trên đây chính là sự lý giải cho những thành tựu lớn lao về an ninh - chính trị trong suốt 40 năm tồn tại và phát triển của mình. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, sự hợp tác chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là sự hợp tác toàn diện để các nước thành viên cùng tiến tới một *Cộng đồng ASEAN*.

CHÚ THÍCH

(1). *Tuyên bố Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (Tuyên bố Băng Cốc) năm 1967*. Bộ Ngoại giao. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 188.

(2). Lương Ninh (Chủ biên): *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 469-470.

(3). Xem Trần Khánh (Chủ biên): *Liên kết ASEAN* (Xem tiếp trang 15)

CHÚ THÍCH

(1). The Strategy of Attrition, *Southeast Asia Analysis Report*, 1-1969 và Tactical Initiative in Vietnam, *Southeast Asia Analysis Report*, 5-1969.

(2). Như nhiều người Mỹ công nhận, trước khi Hoa Kỳ thất sủng ở chiến trường Việt Nam, người Mỹ thường có thái độ *arrogant* (ngạo mạn) sau năm 1968, họ tự chỉ trích là người Mỹ đã “too arrogant” (quá ngạo mạn) nên thất bại.

(3). Có nhiều ý kiến cho rằng vào năm 1967, Hoa Kỳ đã tiêu tốn cho chiến tranh Việt Nam từ 500 đến 700 tỷ đô la.

(4). Larry Berman: *Điệp viên hoàn hảo*, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội, 2007, tr. 260.

(5). Robert S. McNamara: *Nhìn lại quá khứ: Tám năm kịch và những bài học về chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995. tr. 304.

(6). Gabriel Kolko: *Anatomy of a War: Vietnam, The United States, and the Modern Historical Experience*, New York, 1985, tr. 305.

(7), (12). Gabriel Kolko: *Anatomy of a War*: sdd, tr. 306, 312.

(8). Xem: Giô- Dêp A. Am- tơ: *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1985. tr. 221 và Gabriel Kolko: *Anatomy of a War*: sdd, tr. 318.

(9), (10). Bui Diem, David Chanoff: *Jaws of History*, Boston, 1987, tr. 224, 49-50.

(11). *The Pentagon Papers: the Senator Gravel Edition*, vol.4. Boston, Beacon Press, 1972, tr. 564.

(13). Xem: Larry Berman: *No peace, no honor: Nixon, Kissinger and Betrayal in Vietnam*. Simon & Schuster Press, 2001.

BỐN MƯƠI NĂM ASEAN: THÀNH TỰU VỀ AN NINH...

(Tiếp theo trang 9)

trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 21.

(4). Tuyên bố Cuala Lămpơ, 27-11-1971. Dẫn theo Lương Ninh (Chủ biên): *Lịch sử Đông Nam Á*, sdd, tr. 659.

(5). Xem *Tuyên bố hoà hợp ASEAN II*. Bản dịch của Bộ Ngoại giao Việt Nam, tháng 10-2003.

(6). Trong ASEAN tách thành hai nhóm: Nhóm chủ trương đối thoại với Việt Nam để tìm ra giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia (Indônexia, Malaixia, Philippin): Nhóm chủ trương dựa vào Trung Quốc để gây sức ép với Việt Nam trong giải quyết vấn đề Campuchia.

(7). Brunây, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Singapore và Thái Lan.

(8). Việt Nam, Lào, Papua Niu Ghinê.

(9). Ôtxtrâyliya, Canada, EU, Nhật Bản, Niu Dilân, Hàn Quốc và Mĩ.

(10). Bộ Ngoại giao. ASEM - *Diễn đàn hợp tác châu Á - Âu, tiến tới quan hệ đối tác sống động và thực chất hơn*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 21.

(11). 15 nước EU, Ủy ban châu Âu EC, 7 nước ASEAN, 3 nước Đông Bắc Á.

(12). 3 nước ASEAN, 10 nước EU.